

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHIỆM VỤ**

**QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG**  
**XÃ HOẠT GIANG, HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH**  
**HÓA ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**

**HÀ NỘI: 2021**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHIỆM VỤ**

**QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG**  
**XÃ HOẠT GIANG, HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**  
**ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**

**UBND XÃ HOẠT GIANG**

**VIỆN KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN**  
**HỌC VIỆN NN VIỆT NAM**

**HÀ NỘI: 2021**

## Mục lục

	<b>Trang</b>
Mở đầu.....	1
1. Sự cần thiết lập đồ án quy hoạch.....	1
2. Mục tiêu, nhiệm vụ đồ án quy hoạch .....	3
2.1. Mục tiêu .....	3
2.2. Nhiệm vụ .....	3
2.3. Tính chất của khu vực lập quy hoạch .....	4
3. Quy mô, phạm vi, ranh giới và thời hạn lập quy hoạch .....	4
3.1. Quy mô, phạm vi .....	4
3.2. Ranh giới lập quy hoạch.....	4
3.3. Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng huyện, vùng liên huyện .....	5
3.4. Thời hạn lập quy hoạch .....	5
4. Căn cứ lập quy hoạch .....	5
4.1. Căn cứ pháp lý.....	5
4.2. Cơ sở số liệu, tài liệu và bản đồ.....	6
Chương 1. Đánh giá hiện trạng tự nhiên, kinh tế xã hội và cơ sở hạ tầng của xã.....	7
1. Điều kiện tự nhiên .....	7
2. Đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội .....	7
2.1. Phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế .....	7
2.2. Dân số, lao động.....	7
2.3. Phát triển sản xuất.....	8
3. Hiện trạng sử dụng đất .....	8
4. Hiện trạng các công trình hạ tầng xã hội.....	8
4.1. Trụ sở ủy ban nhân dân xã và các tổ chức, đoàn thể.....	8
4.2. Hệ thống trường học, giáo dục đào tạo.....	8
4.3. Văn hóa, thể dục, thể thao.....	8
4.4. Trạm y tế xã.....	8
4.5. Chợ nông thôn, thương mại dịch vụ .....	8
5. Hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật.....	9
5.1. Đường giao thông .....	9
5.2. Hệ thống thủy lợi .....	9
5.3. Hệ thống cấp nước sinh hoạt .....	9
5.4. Hệ thống điện sinh hoạt và sản xuất.....	9
5.5. Hệ thống thoát nước thải, nước mưa.....	9
5.6. Môi trường nông thôn .....	9
6. Hiện trạng các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã .....	9

7.	Đánh giá chung.....	9
Chương 2. Quy hoạch chung xây dựng xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 .....		
1.	Các dự báo và định hướng phát triển .....	11
1.1.	Dân số và lao động.....	11
1.2.	Quy mô đất xây dựng .....	11
1.3.	Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.....	11
2.	Quy hoạch chung xây dựng xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung .....	12
2.1.	Yêu cầu và nguyên tắc.....	12
2.2.	Khu dân cư nông thôn và nhà ở.....	14
2.3.	Khu trung tâm xã .....	14
2.4.	Khu trung tâm thôn.....	14
2.5.	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật .....	14
2.6.	Quy hoạch phát triển sản xuất .....	16
Chương 3. Thành phần hồ sơ thực hiện .....		
1.	Hồ sơ sản phẩm nhiệm vụ quy hoạch.....	17
1.1.	Thành phần và nội dung hồ sơ.....	17
1.2.	Số lượng hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch.....	17
2.	Hồ sơ sản phẩm phần Quy hoạch chung xây dựng xã .....	17
2.1.	Thành phần và nội dung hồ sơ.....	17
2.2.	Số lượng hồ sơ quy hoạch.....	18
Chương 4. Dự toán kinh phí, tiến độ và tổ chức thực hiện .....		
1.	Dự toán kinh phí.....	19
2.	Tiến độ thực hiện.....	19
2.1.	Thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch.....	19
2.2.	Hình thức và thời gian lấy ý kiến quy hoạch.....	19
3.	Tổ chức thực hiện.....	20

## MỞ ĐẦU

### 1. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã nêu rõ: Đến hết năm 2025 có 17 huyện, thị xã, thành phố, 88% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 8% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; bình quân toàn tỉnh đạt 18,6 tiêu chí/xã. Cùng với đó Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 5/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ưu tiên phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để đạt hiệu quả cao, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 nêu rõ: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, phát huy tiềm năng lợi thế và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Tập trung sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao hoặc theo hướng công nghệ cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Phát triển mạnh công nghiệp, đô thị và dịch vụ có tiềm năng, thế mạnh và công nghệ hiện đại; tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế du lịch. Gắn phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng - an ninh, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa - xã hội; bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống Nhân dân; trước năm 2025 đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Đến năm 2025, tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM: 100%; trong đó: 25% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 20% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Chỉ đạo quyết liệt thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới toàn diện, đi vào chiều sâu, cải thiện trực tiếp điều kiện sống, thay đổi tư duy, nếp sống của người dân nông thôn; hoàn thành và nâng cao chất lượng các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đã đề ra đến năm 2025.

Lập quy hoạch chung xây dựng xã gắn với định hướng phát triển xây dựng nông thôn mới là mục tiêu Quốc gia có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình đẩy

mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa, tạo nền móng cho phát triển kinh tế xã hội, văn hóa, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái, tạo môi trường sống bền vững.

Xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã nhằm phát huy lợi thế và tiềm năng của địa phương. Trong nhiều năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân xã Hoạt Giang đã có nhiều cố gắng và giành được nhiều thành tích trong phát triển kinh tế - xã hội. Đời sống người dân trong xã không ngừng được cải thiện, các cơ sở hạ tầng từng bước được đầu tư xây dựng, diện mạo quê hương ngày một khang trang sạch đẹp. Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới cùng với đó việc xây dựng nông thôn xã Hoạt Giang hướng tới hiện đại là một cuộc cách mạng không phải một sớm, một chiều, đòi hỏi có sự cố gắng và quyết tâm lớn của Đảng bộ và nhân dân trong xã.

Xã Hoạt Giang nằm ở phía Đông Bắc của huyện Hà Trung, có tổng diện tích tự nhiên là 1.182,88 ha được chia làm 10 thôn. Mật độ dân số bình quân năm 2020 là 657,6 người/km<sup>2</sup>. Với một xã vùng đồng bằng của tỉnh Thanh Hóa, xã có mật độ dân số trung bình so với chung toàn tỉnh.

Trong những năm gần đây với phương châm phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm với tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 13,0% năm 2020 cho bình quân thu nhập đầu người 41 triệu đồng/người/năm, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đã quan tâm chỉ đạo việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng thu nhập từ tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, dịch vụ - thương mại, giải quyết việc làm cho người lao động. Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã và đang được hoàn thiện đã từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn xã Hoạt Giang. Trong giai đoạn 2015 - 2020 xã đã hoàn thành cơ bản 14/19 tiêu chí Nông thôn mới và tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để đạt danh hiệu thôn, xã chuẩn nông thôn mới.

Tuy nhiên, để phát huy hơn nữa tiềm năng và thế mạnh sẵn có của địa phương và để phát triển nông thôn một cách bền vững và gắn với các tiêu chí của một xã “nông thôn mới”, nâng cao đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần của nhân dân, tạo ra diện mạo mới cho nông thôn xã Hoạt Giang được cụ thể hóa bằng việc Lập quy hoạch chung xây dựng xã nhằm cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế của huyện, tỉnh, đồng thời là cơ sở để xác định các dự án đầu tư và lập quy hoạch

chi tiết các điểm dân cư nông thôn, khu trung tâm xã và định hướng phát triển triển hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

## **2. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH**

### **2.1. Mục tiêu**

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung theo các quy hoạch ngành trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu các ngành cấp huyện, cấp vùng, cấp tỉnh. Xác lập quỹ đất ở, quỹ đất xây dựng các công trình công cộng và quỹ đất về xây dựng hạ tầng kỹ thuật và quỹ đất phát triển sản xuất. Đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả gắn kết giữa hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường.

- Làm công cụ quản lý phát triển, kiểm soát không gian toàn xã, làm căn cứ để quản lý việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và thực hiện các chính sách phát triển, quản lý và phát triển các khu dân cư nông thôn, các khu vực phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và hệ thống các công trình cơ sở hạ tầng.

- Gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu và dự án khác đang triển khai trên địa bàn xã. Lồng ghép, gắn kết với các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Tạo liên kết vùng, thúc đẩy phát triển tế, phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống cho người dân, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

### **2.2. Nhiệm vụ**

- Xác định bối cảnh phát triển, vai trò, vị thế của xã trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Xác định tính chất, chức năng của xã. Dự báo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật bao gồm: quy mô phát triển dân số, quy mô sử dụng đất và các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật phù hợp theo định hướng phát triển của vùng huyện và quy hoạch sử dụng đất huyện Hà Trung đến năm 2030.

- Đề xuất định hướng phát triển không gian xã đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, chính sách quản lý quy hoạch, các giải pháp thực hiện quy hoạch đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoạt Giang đến năm 2025, năm 2030, định hướng đến năm 2045.

### **2.3. Tính chất của khu vực lập quy hoạch**

- Là xã xa trung tâm huyện, có giao thông thuận lợi kết nối với các xã khác, khu hành chính của huyện và tuyến quốc lộ 1A.

- Hiện nay, Hoạt Giang là xã nông nghiệp, cơ cấu kinh tế đang có hướng chuyển sang dịch vụ - thương mại.

- Là địa bàn cung cấp nguồn lao động cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thị xã và thành phố.

## **3. QUY MÔ, PHẠM VI, RANH GIỚI VÀ THỜI HẠN LẬP QUY HOẠCH**

### **3.1. Quy mô, phạm vi**

- **Vị trí:** Hoạt Giang là một xã đồng bằng nằm ở phía Đông Bắc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, cách trung tâm huyện 8 km.

- **Quy mô diện tích:** Diện tích toàn xã 1.182,88 ha.

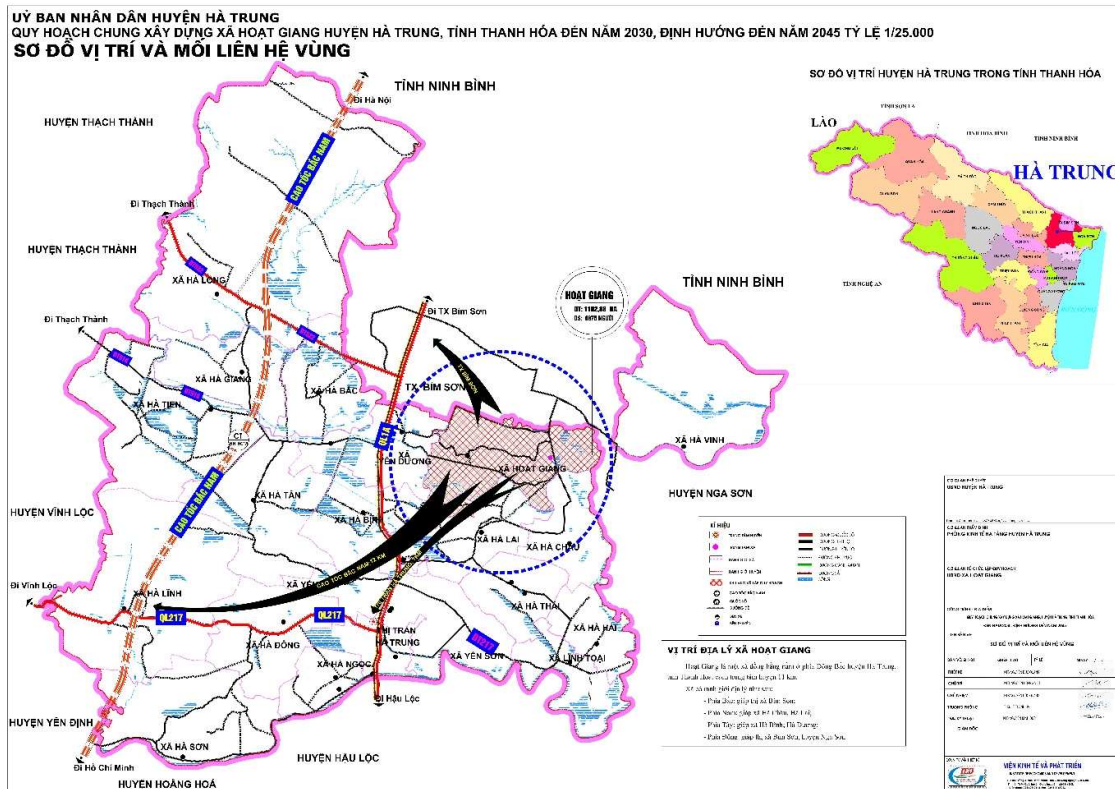
### **3.2. Ranh giới lập quy hoạch**

Xã có ranh giới địa lý như sau:

- Phía Bắc: giáp thị xã Bỉm Sơn;
- Phía Nam: giáp xã Hà Châu, Hà Lai;
- Phía Tây: giáp xã Hà Bình; Hà Dương;
- Phía Đông: giáp thị xã Bỉm Sơn, huyện Nga Sơn.



### 3.3. Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng huyện, vùng liên huyện



### Sơ đồ vị trí mối liên hệ xã Hoạt Giang trong vùng huyện Hà Trung

### 3.4. Thời hạn lập quy hoạch

Theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn. Thời hạn lập quy hoạch xã Hoạt Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 như sau:

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030.
- Giai đoạn dài hạn định hướng đến năm 2045.

## 4. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

### 4.1. Căn cứ pháp lý

- Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số tiêu của 37 điều Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp

tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

- Căn cứ Quyết định 1415/QĐ-UBND ngày 03/05/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới, giai đoạn 2017-2020;

- Căn cứ Công văn số 2363/UBND-KTHT ngày 02 tháng 11 năm 2020 của UBND huyện Hà Trung về việc lập Quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

- Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 26/1/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

#### **4.2. Cơ sở số liệu, tài liệu và bản đồ**

- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020, Kế hoạch phát triển KT- XH, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2021;

Hồ sơ quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

- Các tài liệu quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan đến khu vực lập quy hoạch;

- Các dự án, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt trên địa bàn quy hoạch;

- Các quy chuẩn, quy phạm có liên quan đến quy hoạch xây dựng khu vực nông thôn;

- Bản đồ kiểm kê đất đai năm 2020 và bản đồ quy hoạch sử dụng đất của huyện thời kỳ 2021-2030.

# CHƯƠNG 1

## ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG CỦA XÃ

### 1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

- Khí hậu, thời tiết.
- Địa hình.
- Thủy văn.
- Địa chất công trình.
- Các nguồn tài nguyên
  - + *Tài nguyên đất.*
  - + *Tài nguyên nước.*
  - + *Tài nguyên khoáng sản.*
  - + *Các nguồn tài nguyên khác.*
- Môi trường nông thôn.
- Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên.

### 2. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI

#### 2.1. Phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 13,0%. Trong đó: Nông - Lâm - Thủy sản tăng 10,5%; Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng cơ bản tăng 17,5%; Dịch vụ tăng 13,1 %.

- Cơ cấu giá trị sản xuất: Nông - Lâm - Thủy sản 29,348%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản 25,27%; Dịch vụ 45,38%.

- Bình quân thu nhập đầu người 41 triệu đồng/người/năm.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt 5.204 tấn.
- Tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 6,2 tỷ đồng.
- Tổng số vốn đầu tư phát triển toàn xã 70 tỷ đồng.
- Tỷ lệ hộ nghèo còn 2,4%.

#### 2.2. Dân số, lao động

- Dân số năm 2020 của xã là 6.896 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,31%.

- Lao động của xã: 3.535 lao động. Năm 2020 lao động qua đào tạo đạt 65,0%, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động 45%. Tạo việc làm mới cho 205 lao động.

### **2.3. Phát triển sản xuất**

- Sản xuất nông nghiệp.
- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
- Thương mại, dịch vụ.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng.

## **3. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT**

Tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã là: 1.182,88 ha. Trong đó;

- Đất nông nghiệp: Diện tích 851,78 ha chiếm tỷ lệ 72,01%.
- Đất phi nông nghiệp: Diện tích 317,37 ha chiếm tỷ lệ 26,83%. Trong đó: Đất ở tại nông thôn: 116,48 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 7,69 ha; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 0,01 ha và đất có mục đích công cộng: 143,88 ha.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích 13,72 ha chiếm tỷ lệ 1,16 %.

## **4. HIỆN TRẠNG CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI**

### **4.1. Trụ sở ủy ban nhân dân xã và các tổ chức, đoàn thể**

- Trụ sở UBND xã.
- Hội trường.
- Trụ sở, phòng làm việc của các tổ chức đoàn thể.

### **4.2. Hệ thống trường học, giáo dục đào tạo**

- Mầm non.
- Tiểu học.
- Trung học cơ sở.

### **4.3. Văn hóa, thể dục, thể thao**

- Nhà văn hóa, trung tâm thể dục, thể thao xã.
- Nhà văn hóa, trung tâm thể dục, thể thao thôn.

### **4.4. Trạm y tế xã**

### **4.5. Chợ nông thôn, thương mại dịch vụ**

## **5. HIỆN TRẠNG CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

### **5.1. Đường giao thông**

- Giao thông đối ngoại.
- Giao thông đối nội (đường trục xã, trục thôn, đờng trong thôn, xóm).
- Đường giao thông nội đồng.
- Giao thông đường thủy.

### **5.2. Hệ thống thủy lợi**

- Hệ thống kênh mương tưới (Kênh chính, kênh nhánh cấp 1, kênh nhánh cấp 2, kênh nhánh cấp 3...)
- Hệ thống kênh tiêu.
- Cầu, cống, đập, hồ...

### **5.3. Hệ thống cấp nước sinh hoạt**

- Nguồn nước.
- Hệ thống cấp nước.

### **5.4. Hệ thống điện sinh hoạt và sản xuất**

- Nguồn điện.
- Trạm biến áp.
- Hệ thống đường dây.
- Hệ thống điện chiếu sáng công cộng.

### **5.5. Hệ thống thoát nước thải, nước mưa**

- Hệ thống xử lý và thoát nước thải.
- Hệ thống thoát nước mưa.

### **5.6. Môi trường nông thôn**

- Hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn.
- Nghĩa trang, nghĩa địa nhân dân.

## **6. HIỆN TRẠNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ**

- Các dự án của xã, huyện.
- Các dự án hạ tầng cấp vùng, cấp quốc gia đi qua địa bàn xã.

## **7. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

- Những thuận lợi.

- Những khó khăn của xã.
- Đánh giá tổng hợp theo bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

**CHƯƠNG 2**  
**QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẠT GIANG, HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**

**1. CÁC DỰ BÁO VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

**1.1. Dân số và lao động**

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025: 7.141 người và lao động là: 3.660 lao động.

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2030: 7.394 người và lao động là: 3.790 lao động.

**Dự báo về dân số xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và năm 2030**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hiện trạng năm 2020	Dân số năm 2025	Dân số năm 2030
1	Dân số	người	6.896	7.141	7.394
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	0,31	0,70	0,70
3	Lao động	lao động	3.535	3.660	3.790

**1.2. Quy mô đất xây dựng**

- Giai đoạn đến năm 2025: khoảng 340-350 ha;
- Giai đoạn đến năm 2030: khoảng 390-400 ha
- Định hướng đến năm 2045: khoảng 490-500 ha.

**1.3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu**

- Về sử dụng đất:

- + Đất ở: 40-50m<sup>2</sup>/người.
- + Đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng: 10-12 m<sup>2</sup>/người.
- + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 10-12 m<sup>2</sup>/người.
- + Đất cây xanh công cộng: 6-9 m<sup>2</sup>/người.

- Nhà ở dân cư: Diện tích lô đất ở: từ 150 m<sup>2</sup>/hộ đến 200 m<sup>2</sup>/hộ, mật độ xây dựng tối đa 60% và tầng cao tối đa 3 tầng.

- Cấp nước sinh hoạt: 100 lít/người/ngày đêm.
- Thoát nước thải:  $\geq 80\%$  lượng nước cấp sinh hoạt.
- Cấp điện sinh hoạt: 1.000 - 1.600 kwh/hộ/năm. Điện cho công cộng bằng 15% cấp điện cho sinh hoạt. Điện cho khu vực dịch vụ, sản xuất: Dựa theo các yêu cầu cụ thể của từng cơ sở sản xuất.

## **2. QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HOẠT GIANG, HUYỆN HÀ TRUNG**

### **2.1. Yêu cầu và nguyên tắc**

#### ***2.1.1. Yêu cầu, nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan***

- Xã Hoạt Giang nằm trong vùng huyện Hà Trung, được kết nối với thị xã Bim Sơn và các vùng huyện lân cận như: Thạch Thành, Vĩnh Lộc, Nga Sơn và một số huyện khác.

- Tổ chức phát triển khu trung tâm xã, các khu dân cư mới và điểm dân cư trong các khu dân cư cũ. Xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và từng thôn.

- Đề xuất kế hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn phát triển để khai thác hiệu quả quỹ đất xây dựng.

- Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ. Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn.

- Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các khu dân cư tại các thôn cũ. Xác định các chỉ tiêu quy hoạch, định hướng kiến trúc cho từng loại hình nhà ở phù hợp với đặc điểm của địa phương.

- Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung, khu vực sản xuất nông nghiệp.

- Định hướng tổ chức các khu chức năng đặc thù khác trên địa bàn xã.

- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng, các khu hiện có phát triển ổn định, các khu cần chỉnh trang, cải tạo, các khu chuyển đổi chức năng, các khu quy hoạch xây dựng mới, các khu cấm xây dựng và các khu dự trữ để phát triển.

- Xác định các chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất, định hướng phát triển đối với từng khu chức năng.



- Đề xuất khu vực phát triển theo các giai đoạn, xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư phù hợp với nguồn lực.

- Tập trung nguồn vốn và đầu tư trọng tâm, trọng điểm cho giai đoạn đầu. Hạn chế tác động tiêu cực đến cộng đồng dân cư và hiện trạng khi chưa thực sự cần thiết.

- Xác định các chương trình theo từng lĩnh vực ưu tiên, lựa chọn hạng mục, dự án ưu tiên đầu tư. Xác định các khu vực cần triển khai quy hoạch, quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng trong giai đoạn đầu.

- Đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung.

### ***2.1.2. Yêu cầu, nguyên tắc về định hướng hạ tầng kỹ thuật và môi trường***

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, hiện đại đáp ứng những mục tiêu phát triển, nhu cầu sử dụng, đảm bảo mỹ quan, an toàn và vệ sinh môi trường, cụ thể:

- Cao độ nền và thoát nước: Quy hoạch độ cao khống chế xây dựng; đề xuất các giải pháp thoát nước mưa, các giải pháp chống ngập úng, sạt lở đảm bảo hạn chế việc san lấp địa hình tự nhiên. Đề xuất các giải pháp về nền và thoát nước đảm bảo hạn chế tác động của lũ, lụt trong khu vực và tác động bất lợi do biến đổi khí hậu.

- Giao thông: Xác định mạng lưới giao thông đảm bảo kết nối các khu chức năng trong vùng với mạng lưới giao thông quốc gia (đường huyện, tỉnh, quốc lộ), đầu nối thuận tiện với mạng lưới giao thông của xã phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Cấp nước: Xác định nguồn nước; tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước, vị trí, quy mô các công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước; đề xuất các biện pháp bảo vệ nguồn nước mặt và nước ngầm đảm bảo chất lượng cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Cấp điện sinh hoạt và điện chiếu sáng công cộng: Xác định nguồn điện; chỉ tiêu và dự kiến nhu cầu sử dụng điện; giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện. Xác định chỉ tiêu sử dụng điện chiếu sáng; đề xuất các giải pháp cụ thể về nguồn, lưới điện, nguồn sáng, các giải pháp cụ thể về chiếu sáng cho các khu chức năng.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Xác định quy mô, các trạm và các mạng truyền dẫn di động và các công trình phụ trợ.

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Xác định các chỉ tiêu nước thải, chất thải rắn, đất nghĩa trang. Dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang. Xác định vị trí và quy mô các trạm xử lý nước thải, giải pháp thiết kế mạng lưới thoát nước thải.

## **2.2. Khu dân cư nông thôn và nhà ở**

- Quy hoạch khu dân cư nông thôn mới.

- Nhà ở nông thôn.

## **2.3. Khu trung tâm xã**

- Công sở xã.

- Trụ sở các tổ chức, đoàn thể.

- Trường mầm non.

- Trường tiểu học.

- Trường Trung học cơ sở.

- Trạm y tế xã.

- Đài tưởng niệm liệt sỹ.

- Trung tâm văn hóa, thể thao xã.

- Chợ, thương mại dịch vụ.

- Điểm phục vụ bưu chính

- Khu khuôn viên cây xanh.

## **2.4. Khu trung tâm thôn**

- Nhà văn hóa thôn.

- Sân thể thao thôn.

- Khu khuôn viên, cây xanh.

## **2.5. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

Quy hoạch định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, hiện đại đáp ứng được những mục tiêu phát triển, đảm bảo mỹ quan, an toàn và bảo vệ môi trường.

### **2.5.1. Giao thông**

Xác định mạng lưới giao thông đảm bảo kết nối các khu chức năng trong vùng với mạng lưới giao thông quốc gia, đấu nối thuận tiện với mạng lưới giao thông vùng theo TCVN 10308:2014 bao gồm:

- Giao thông đối ngoại.
- Giao thông đối nội.
- Đường nội đồng chính và đường nhánh.

### **2.5.2. Hệ thống thủy lợi**

Xác định mạng lưới kênh mương thủy lợi đảm bảo thuận lợi cho việc tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân.

- Hệ thống kênh mương tưới (Kênh chính, kênh nhánh cấp 1, kênh nhánh cấp 2, kênh nhánh cấp 3...)
- Hệ thống kênh tiêu.
- Cầu, cống, đập, hồ...

### **2.5.3. Hệ thống cấp nước sinh hoạt**

- Xác định nguồn cấp nước, tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước, vị trí, quy mô các công trình đầu mối, mạng lưới đường ống cấp nước.

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước mặt và nước ngầm. Đảm bảo chất lượng nước cấp và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

### **2.5.4. Hệ thống điện sinh hoạt và sản xuất**

- Xác định nguồn điện, chỉ tiêu và dự kiến nhu cầu sử dụng điện, giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện.

- Xác định chỉ tiêu sử dụng điện chiếu sáng theo các nhóm công trình, tính toán nhu cầu sử dụng điện năng cho chiếu sáng, đề xuất các giải pháp cụ thể về nguồn, lưới điện, nguồn sáng, các giải pháp cụ thể về chiếu sáng cho các khu chức năng.

### **2.5.5. Hệ thống thoát nước thải, nước mưa**

Xác định chỉ tiêu nước thải, dự báo tổng lượng nước thải. Xác định vị trí, quy mô các trạm xử lý nước thải, giải pháp thiết kế mạng lưới thoát nước thải và thu gom nước mưa.

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải.
- Hệ thống thoát nước thải.

- Hệ thống thoát nước mưa.

### **2.5.6. Môi trường nông thôn**

Xác định chỉ tiêu chất thải rắn, diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa nhân dân, dự báo tổng lượng chất thải rắn, nhu cầu đất làm nghĩa trang.

- Hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn.
- Nghĩa trang, nghĩa địa nhân dân.

## **2.6. Quy hoạch phát triển sản xuất**

### **2.6.1. Phân vùng sản xuất nông nghiệp**

- Các vùng sản xuất nông nghiệp (trồng trọt).
- Nuôi trồng thủy sản.
- Trang trại chăn nuôi, trồng trọt...

### **2.6.2. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ**

- Phát triển công nghiệp.
- Phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn...
- Phát triển thương mại, dịch vụ.

## CHƯƠNG 3

### THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỰC HIỆN

Thành phần hồ sơ đề án quy hoạch chung xây dựng xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung được thực hiện theo Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 1/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về Quy hoạch xây dựng nông thôn.

#### 1. HỒ SƠ SẢN PHẨM NHIỆM VỤ QUY HOẠCH

##### 1.1. Thành phần và nội dung hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Ký hiệu bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ
1	Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng	QH-01	Tỷ lệ thích hợp
2	Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch		
3	Tờ trình, dự thảo		

##### 1.2. Số lượng hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch

- Hồ sơ nhiệm vụ (thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch, bản vẽ A3 thu nhỏ, dự toán kinh phí): 07 bộ.

- Dự thảo tờ trình thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

#### 2. HỒ SƠ SẢN PHẨM PHẦN QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ

##### 2.1. Thành phần và nội dung hồ sơ

STT	Tên hồ sơ	Ký hiệu bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ
1	Sơ đồ vị trí, mối liên hệ vùng	QH-01	Tỷ lệ thích hợp
2	Bản đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng	QH-02	Tỷ lệ: 1/5.000
3	Sơ đồ định hướng phát triển không gian toàn xã	QH-03	Tỷ lệ: 1/5.000
4	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất	QH-04	Tỷ lệ: 1/5.000
5	Bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường	QH-05	Tỷ lệ: 1/5.000
6	Thuyết minh tổng hợp		
7	Các dự thảo: Tờ trình, Quyết định phê duyệt; Quy định quản lý xây dựng theo đề án quy		

STT	Tên hồ sơ	Ký hiệu bản vẽ	Tỷ lệ bản vẽ
	hoạch		

## 2.2. Số lượng hồ sơ quy hoạch

- Hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoạt Giang (thuyết minh, bản vẽ A3 thu nhỏ, bản đồ, sơ đồ, phụ lục và các văn bản pháp lý liên quan): 07 bộ.

- Dự thảo tờ trình thẩm định và Quyết định phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Dự thảo Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoạt Giang.

- Đĩa CD lưu các tài liệu, bản vẽ A0; A3...

## CHƯƠNG 4

### DỰ TOÁN KINH PHÍ, TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. DỰ TOÁN KINH PHÍ

Kinh phí lập quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị là: **302.236.400** đồng, bao gồm:

- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch (sau thuế):	29.042.600 đồng.
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:	5.808.500 đồng
- Chi phí lập đồ án quy hoạch (sau thuế):	208.617.100 đồng
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch:	25.504.100 đồng
- Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch:	22.005.600 đồng
- Chi phí lấy ý kiến cộng đồng dân cư:	5.000.000 đồng
- Chi phí công bố quy hoạch:	6.258.500 đồng
<b>Tổng cộng:</b>	<b>302.236.400 đồng</b>

*Bằng chữ: ba trăm linh hai triệu hai trăm ba sáu nghìn bốn trăm đồng*

#### 2. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

##### 2.1. Thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch

- Theo Khoản 3, Điều 17, mục 3 Xây dựng quy hoạch nông thôn của Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng: Thời gian lập nhiệm vụ đối với quy hoạch chung xây dựng xã không quá 01 tháng, không kể thời gian thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã.

- Theo Khoản 2, Điều 18, mục 3 Xây dựng quy hoạch nông thôn của Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng: Thời gian lập đồ án quy hoạch chung xây dựng xã không quá 6 tháng kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã và sau khi ký hợp đồng với đơn vị tư vấn.

##### 2.2. Hình thức và thời gian lấy ý kiến quy hoạch

Được thực hiện theo Khoản 1, Điều 3 của Thông tư 02/2017/TT-BXD và

theo Điều 16, Điều 17 Luật Xây dựng năm 2014 và Điều 23, Điều 24 Nghị định 44/2015/NĐ-CP.

Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã được thực hiện bằng phiếu góp ý thông qua hình thức trưng bày công khai hoặc giới thiệu phương án quy hoạch trên phương tiện thông tin đại chúng tại UBND xã, nhà văn hóa hoặc khu trung tâm thôn.

Thời gian lấy ý kiến nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hoạt Giang, huyện Hà Trung như sau: 20 ngày đối với cơ quan và 40 ngày đối với tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư.

### **3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Nguồn kinh phí lập đồ án quy hoạch: Ngân sách huyện và xã.
2. Chủ đầu tư: UBND xã
3. Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện
4. Cơ quan phê duyệt: UBND huyện Hà Trung.
5. Đơn vị lập quy hoạch: Thực hiện theo Luật đấu thầu.



